

**TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN  
CÔNG TY CỔ PHẦN**  
HUNG YEN GARMENT  
CORPORATION – STOCK COMPANY

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: 01/BC-MHY  
No: 01/BC-MHY

Hung Yên, ngày 28 tháng 07 năm 2026  
Hung Yen, 28 July 2026

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình quản trị công ty REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

**(6 tháng năm 2026)**  
**(6 months/year 2026)**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
To: *The State Securities Commission;*  
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.  
*Hanoi Stock Exchange.*

- Tên công ty/*Name of company*: Tổng công ty may Hưng Yên – Công ty cổ phần/  
*Hung Yen Garment Corporation - Joint Stock Company.*

- Địa chỉ trụ sở chính/*Address of head office*: Số 8 đường Bạch Đằng, Phường Phố  
Hiển, tỉnh Hưng Yên/*No. 8 Bach Dang street, Pho Hien Ward, Hung Yen*  
*Province.*

- Điện thoại: 0221 3515079 *Telephone: 0221 3515079*

*Email: hugaco@hugaco.vn*

- Vốn điều lệ/*Charter capital*: 195.113.890.000 VND/195.113.890.000 VND

- Mã chứng khoán/*Stock symbol*: HUG

- Mô hình quản trị công ty/*Governance model*: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản  
trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/*General Meeting of Shareholders, Board of*  
*Directors, Board of Supervisors, General Director.*

#### **I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/*Activities of the General Meeting of*** ***Shareholders***

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông  
(bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức  
lấy ý kiến bằng văn bản)/*Information on meetings, resolutions and decisions of the*  
*General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of*  
*Shareholders approved in the form of written comments):*

Trong năm 6 tháng đầu năm 2026, Tổng Công ty may Hưng Yên – Công ty cổ phần tổ chức 01 cuộc họp Đại hội đồng cổ đông/*In the first 6 months of 2026, Hung Yen Garment Corporation - Joint Stock Company held 01 General Meeting of Shareholders.*

| Stt<br>No. | Số Nghị quyết/Quyết định<br>Resolution/Decision No. | Ngày<br>Date | Nội dung<br>Content                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|------------|-----------------------------------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 01         | No. 01/NQĐHĐCĐ-MHY                                  | 22/04/2026   | <p>Thông qua các nội dung chính sau/<i>Through the following main contents:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kết quả SXKD năm 2025 và phân phối lợi nhuận năm 2025/ <i>Business results and profit distribution of the year 2025;</i></li> <li>- Kế hoạch SXKD năm 2026/ <i>Business plan for 2026;</i></li> <li>- Sửa đổi một số nội dung trong Điều lệ Tổ chức và Hoạt động công ty, quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị/ <i>Amend certain provisions in the Company's Charter of Organization and Operation; Internal regulations on corporate governance; regulations on the operation of the Board of Directors.</i></li> <li>-Phê duyệt, quyết toán thù lao Hội đồng quản trị và ban kiểm soát, thư ký và khen thưởng vượt kế hoạch hàng năm cho cán bộ công nhân viên/ <i>Approval and settlement of remuneration of the Board of Directors and the Board of Supervisors, secretary, and award bonuses for exceeding annual targets to employees.</i></li> <li>- Lựa chọn đơn vị kiểm toán /<i>Selection of auditing firm</i></li> <li>- Thời gian chi trả cổ tức/ <i>Time of dividend payment</i></li> </ul> |

## II. Hội đồng quản trị/ *Board of Directors:*

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT)/ *Information about the members of the Board of Directors:*

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/ <i>Board of Directors' members</i> | Chức vụ/ <i>Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành)) Independent members of the Board of Directors, Non-executive members of the Board of Directors))</i> | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors</i> |                                                                                               |
|------------|-----------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|
|            |                                                     |                                                                                                                                                                              | Ngày bắt đầu là TV HĐQT/ <i>The date becoming to be the member of the Board of Directors</i>                                         | Ngày không còn là TV HĐQT/ <i>The date ceasing to be the member of the Board of Directors</i> |

|   |                                                          |                                    |            |  |
|---|----------------------------------------------------------|------------------------------------|------------|--|
| 1 | Ông Lê Tiến Trường/<br><i>Mr Le Tien Truong</i>          | Chủ tịch HĐQT /<br>Chairman of Bod | 22/04/2025 |  |
| 2 | Bà Phạm Thị Phương Hoa/<br><i>Ms Pham Thi Phuong Hoa</i> | Thành viên HĐQT /<br>Member of Bod | 21/03/2015 |  |
| 3 | Ông Phạm Tuấn Anh/<br><i>Mr Pham Tuan Anh</i>            | Thành viên HĐQT /<br>Member of Bod | 22/04/2025 |  |
| 4 | Ông Nguyễn Văn Trung/<br><i>Mr Nguyen Van Trung</i>      | Thành viên HĐQT /<br>Member of Bod | 21/03/2015 |  |
| 5 | Bà Nguyễn Thị Hiền/<br><i>Ms Nguyen Thi Hien</i>         | Thành viên HĐQT /<br>Member of Bod | 22/04/2025 |  |

## 2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

| Stt<br>No. | Thành viên HĐQT/Board of<br>Director' member             | Số buổi họp HĐQT<br>tham dự / Number<br>of meetings<br>attended by Board<br>of Directors | Tỷ lệ tham dự<br>họp/Attendance<br>rate | Lý do không tham dự<br>họp/Reasons for<br>absence |
|------------|----------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|---------------------------------------------------|
| 1          | Ông Lê Tiến Trường/<br><i>Mr Le Tien Truong</i>          | 2/2                                                                                      | 100%                                    |                                                   |
| 2          | Bà Phạm Thị Phương Hoa/<br><i>Ms Pham Thi Phuong Hoa</i> | 2/2                                                                                      | 100%                                    |                                                   |
| 3          | Ông Phạm Tuấn Anh/<br><i>Mr Pham Tuan Anh</i>            | 2/2                                                                                      | 100%                                    |                                                   |
| 4          | Ông Nguyễn Văn Trung/<br><i>Mr Nguyen Van Trung</i>      | 2/2                                                                                      | 100%                                    |                                                   |
| 5          | Bà Nguyễn Thị Hiền/<br><i>Ms Nguyen Thi Hien</i>         | 2/2                                                                                      | 100%                                    |                                                   |

## 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc / Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

Hoạt động giám sát của HĐQT với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của HĐQT. Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ SXKD năm 2026 theo theo Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị và Nghị quyết ĐHĐCĐ. Hội đồng quản trị đưa ra chiến lược, giải pháp để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh trong từng giai đoạn, từng quý năm 2026, đồng thời giám sát hoạt động đó./The Board of Directors' supervision of the Board of Management is carried

out in accordance with the Company's Charter and the Board of Management's operating regulations. The Board of Management performs its production and business tasks well in accordance with the Resolutions and Decisions of the Board of Directors and the Resolutions of the Shareholders' Meeting. The Board of Management proposes strategies and solutions to implement the 2026 production and business plan, and at the same time supervises such activities.

Định kỳ hàng tháng, Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban cùng với Ban điều hành và cán bộ quản lý công ty, cập nhật và chỉ đạo kịp thời tình hình SXKD của công ty/Monthly, the Chairman of the Board of Directors participates in briefings with the Executive Board and company management staff, promptly updating and directing the company's production and business situation.

4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any): None

5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong 6 tháng đầu năm 2026/Resolutions/Decisions of the Board of Directors in the first 6 months of 2026:

| Stt/<br>No. | Số Nghị quyết/<br>Quyết<br>định Resolution/De<br>cision No. | Ngày/Date  | Nội dung/Content                                                                                                                                                                                                                    | Tỷ lệ<br>thông<br>qua/Appro<br>val rate |
|-------------|-------------------------------------------------------------|------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|
| 1           | Số 01/NQHĐQT-<br>MHY/2026                                   | 16/01/2026 | Đánh giá kết quả SXKD năm 2025 và kế hoạch năm 2026/Regarding the evaluation of 2025 business and production results and the 2026 business plan                                                                                     | 100%                                    |
| 2           | Số 02/NQHĐQT-<br>MHY/2026                                   | 16/01/2026 | Về việc thoái vốn của Tổng công ty May Hưng Yên - CTCP tại Công ty cổ phần May Xuất khẩu Ninh Bình/Regarding the divestment of Hung Yen Garment Corporation - Joint Stock Company from Ninh Binh Garment Export Joint Stock Company | 100%                                    |
| 3           | Số 04/QĐ-HĐQT                                               | 19/01/2026 | Quyết định khen thưởng cơ quan điều hành Tổng công ty/Decision on Commendation for the Corporation's Executive Body                                                                                                                 | 100%                                    |

|   |                       |            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |      |
|---|-----------------------|------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 4 | Số 03/NQHĐQT-MHY/2026 | 05/03/2026 | Về việc phê duyệt ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 của Tổng công ty may Hưng Yên - CTCP/ <i>Regarding the approval of the record date for exercising the right to attend the 2026 Annual General Meeting of Shareholders of Hung Yen Garment Corporation - Joint Stock Company.</i> | 100% |
| 5 | Số 04/NQHĐQT-MHY/2026 | 20/03/2026 | Công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2026; dự kiến kết quả sản xuất kinh doanh quý 1 năm 2026 và kế hoạch quý 2 năm 2026/ <i>Organization of the 2026 General Meeting of Shareholders; projected business results for the first quarter of 2026 and the plan for the second quarter of 2026.</i>                                          | 100% |
| 6 | Số 05/NQHĐQT-MHY/2026 | 28/04/2026 | Về việc phê duyệt chi trả cổ tức bằng tiền còn lại của năm 2025/ <i>Regarding the approval of the remaining cash dividend payment for 2025</i>                                                                                                                                                                                                 | 100% |

080  
ÔNG  
JNG  
Y CỔ P  
V-T.Y

**III. Ban kiểm soát/Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng)/ *Board of Supervisors / Audit Committee (Semi-annual report):***

**1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS) / Ủy ban Kiểm toán/ *Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:***

| Stt<br>No | Thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán<br><i>Members of Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Chức vụ<br><i>Position</i>                  | Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/Ủy ban Kiểm toán/ <i>The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee</i> | Trình độ chuyên môn/ <i>Qualification</i> |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------|
| 1         | Bà Trương Thị Phương/<br><i>Ms Trương Thị Phương</i>                                       | Trưởng BKS/<br><i>Head of the BOS</i>       | Ngày bắt đầu là thành viên BKS từ 22/4/2025/<br><i>Date of becoming member of the BOS 22/4/2025</i>                                                       | Cử nhân /<br><i>Bachelor</i>              |
| 2         | Bà Vũ Thị Giáng Hương/<br><i>Ms Vu Thi Giang Huong</i>                                     | Thành viên BKS/<br><i>Member of the BOS</i> | Ngày bắt đầu là thành viên BKS từ ngày 22/4/2025/<br><i>Date of becoming member of the BOS 22/4/2025</i>                                                  | Cử nhân /<br><i>Bachelor</i>              |

|   |                                              |                                         |                                                                                                                 |                              |
|---|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|
| 3 | Bà Nguyễn Thị Hà/<br><i>Ms Nguyen Thi Ha</i> | Thành viên BKS/<br>Member of the<br>BOS | Ngày bắt đầu là thành viên<br>BKS từ ngày 22/4/2025/<br><i>Date of becoming member of<br/>the BOS 22/4/2025</i> | Cử nhân /<br><i>Bachelor</i> |
|---|----------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------|

## 2. Cuộc họp của BKS/Meetings of Board of Supervisors

| Stt<br>No. | Thành viên BKS / Ủy<br>ban Kiểm toán <i>Members of<br/>Board of Supervisors/Audit<br/>Committee</i> | Số buổi họp<br>tham dự<br>/ <i>Number of<br/>meetings<br/>attended</i> | Tỷ lệ tham<br>dự họp /<br><i>Attendance<br/>rate</i> | Tỷ lệ biểu<br>quyết t/<br><i>Voting rate</i> | Lý do không<br>tham dự họp /<br><i>Reasons for<br/>absence</i> |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Trương Thị Phương/<br><i>Ms Trương Thị Phương</i>                                                | 1/1                                                                    | 100%                                                 | 100%                                         |                                                                |
| 2          | Bà Vũ Thị Giáng Hương/<br><i>Ms Vu Thi Giang Huong</i>                                              | 1/1                                                                    | 100%                                                 | 100%                                         |                                                                |
| 3          | Bà Nguyễn Thị Hà/<br><i>Ms Nguyen Thi Ha</i>                                                        | 1/1                                                                    | 100%                                                 | 100%                                         |                                                                |

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/*Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:*

Ban kiểm soát thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được quy định trong Điều lệ công ty và quy chế hoạt động của BKS/*The Board of Supervisors performs the duties and powers stipulated in the Company Charter and the Board of Supervisors' operating regulations*

Trong 6 tháng đầu năm 2026 Ban kiểm soát đã giám sát hoạt động của HĐQT, Ban Tổng giám đốc trong việc tuân thủ Điều lệ Công ty, thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết, quyết định của HĐQT./*In the first 6 months of 2026, the Board of Supervisors supervised the activities of the Board of Directors and the Board of Management in complying with the Company Charter, implementing the Resolutions of the General Meeting of Shareholders, Resolutions and decisions of the Board of Directors.*

Ban kiểm soát đã trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2026 thông qua báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2025 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2026/*The Board of Supervisors submitted to the 2026 Annual General Meeting of Shareholders for approval the Board of Supervisors' 2025 performance report and the directions and tasks for 2026.*

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/*the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:*

HDQT và Ban lãnh đạo công ty đã tuân thủ quy định trong việc cung cấp thông tin và tạo điều kiện để BKS thực hiện nhiệm vụ giám sát HDQT và Ban Giám đốc. HDQT, Ban Giám đốc các bộ quản lý khác và BKS có sự kết hợp chặt chẽ vì lợi ích chung của Công ty, của cổ đông và thực hiện nghĩa vụ với Nhà nước./The Board of Directors and the Board of Management of the Company have complied with the regulations in providing information and creating conditions for the Supervisory Board to perform its duties of supervising the Board of Directors and the Board of Management. The Board of Directors, the Board of Management of other management departments and the Supervisory Board have closely coordinated for the common interests of the Company, shareholders and to fulfill their obligations to the State.

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):

#### IV. Ban điều hành/Board of Management

| STT<br>No. | Thành viên Ban điều hành /<br>Members of Board of<br>Management | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of birth | Trình độ chuyên<br>môn<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ Bỏ<br>nhiệm lại/ miễn nhiệm<br>thành viên Ban điều<br>hành/<br>Date of appointment/<br>Re-<br>appointment / dismissal<br>of members of the Board<br>of Management / |
|------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1          | Bà Phạm Thị Phương Hoa/<br>Ms Pham Thi Phuong Hoa               | 26/4/1966                               | Cử nhân /<br>Bachelor                   | 22/04/2025                                                                                                                                                                         |
| 2          | Ông Nguyễn Văn Trung/<br>Mr Nguyen Van Trung                    | 11/8/1966                               | Cử nhân<br>/Bachelor                    | 22/04/2025                                                                                                                                                                         |
| 3          | Ông Chu Hữu Nghị/<br>Mr Chu Hữu Nghị                            | 31/10/1971                              | Cử nhân /<br>Bachelor                   | 22/04/2025                                                                                                                                                                         |

#### V. Kế toán trưởng/Chief Accountant

| Họ và tên<br>Name                 | Ngày tháng<br>năm sinh<br>Date of<br>birth | Trình độ chuyên môn<br>nghề nghiệp<br>Qualification | Ngày bổ nhiệm/ Bỏ<br>nhiệm lại / miễn nhiệm<br>Date of appointment/ re-<br>appointment/ dismissal |
|-----------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Trần Thị Hương/<br>Tran Thi Huong | 23/01/1981                                 | Cử nhân / Bachelor                                  | 22/4/2025                                                                                         |

#### VI. Đào tạo về quản trị công ty/Training courses on corporate governance:

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HDQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty /Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director

*(General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:*

Trong 6 tháng năm 2026, Công ty tập trung cao độ cho sản xuất nên chưa sắp xếp được thời gian để đào tạo cho cán bộ quản lý cấp trung đương nhiệm/During the first six months of 2026, the Company focused intensely on production, and consequently, was unable to schedule training for incumbent middle-level managers.

**VII. Danh sách về người có liên quan của công ty đại chúng (Báo cáo 6 tháng năm/năm) và giao dịch của người có liên quan của công ty với chính Công ty/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)**

1. Danh sách về người có liên quan của công ty/The list of affiliated persons of the Company: Chi tiết tại phụ lục 1 đính kèm/Details in Appendix 1.

2. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons: Chi tiết tại phụ lục 2 đính kèm/Details in Appendix 2.

3. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power: Không/none

4. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác/Transactions between the Company and other objects:

4.1. Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Chi tiết tại phụ lục 3 đính kèm/Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting): Details in Appendix 3.

4.2. Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: Chi tiết tại phụ lục 4 đính kèm/ Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO): Details in Appendix 4

4.3. Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác: Không có/ Other transactions of the Company (if any) may bring material or non- material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers: None

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)**

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons công ty /Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company: Chi tiết theo phụ lục 5 đính kèm./Details in Appendix 5.*

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty/*Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company: Không phát sinh/Not available.*

**IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues: Không có/none.**

*Nơi nhận/Recipients:*

- Như trên/As above;
- Lưu: VT, TCKT/Archived: VT, TCKT

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHAIRMAN OF THE BOARD  
OF DIRECTORS**



**LEE TIEN TRUONG**





## PHỤ LỤC 1/APPENDIX 1

DANH SÁCH NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY MAY HÙNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN/  
LIST OF RELATED PERSONS OF HUNG YEN GARMENT CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2026/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2026)

| STT/<br>No. | Tên tổ chức/cá nhân <i>Name of organization/individual</i> | Chức vụ tại công ty (nếu có) <i>Position at the Company (if any)</i> | Thời điểm bắt đầu là người có liên quan <i>Time of starting to be affiliated person</i> | Thời điểm không còn là người có liên quan <i>Time of ending to be affiliated person</i> | Lý do/<br>Reasons | Mối quan hệ liên quan với công ty/Relationship with the Company |
|-------------|------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------------------------------------------|
| 1           | Ông Lê Tiến Trường/Mr Le Tien Truong                       | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod                                        | 22/04/2025                                                                              |                                                                                         |                   |                                                                 |
| 2           | Bà Phạm Thị Phương Hoa/Ms Pham Thi Phuong Hoa              | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director     | 21/03/2015                                                                              |                                                                                         |                   |                                                                 |
| 3           | Ông Phạm Tuấn Anh/Mr Pham Tuan Anh                         | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                        | 22/04/2025                                                                              |                                                                                         |                   | Cổ đông lớn/Major shareholder                                   |
| 4           | Ông Nguyễn Văn Trung/Mr Nguyen Van Trung                   | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                        | 21/03/2015                                                                              |                                                                                         |                   |                                                                 |
| 5           | Bà Nguyễn Thị Hiền/Ms Nguyen Thi Hien                      | Thành viên HĐQT/Member of Bod                                        | 22/04/2025                                                                              |                                                                                         |                   |                                                                 |
| 6           | Ông Chu Hữu Nghị/Mr Chu Huu Nghi                           | Phó Tổng giám đốc/Deputy General Manager                             |                                                                                         |                                                                                         |                   |                                                                 |
| 7           | Bà Trương Thị Phương/Ms Truong Thi Phuong                  | Trưởng BKS/Head of Board of Supervisors                              | 22/04/2025                                                                              |                                                                                         |                   |                                                                 |
| 8           | Bà Vũ Thị Giáng Hương/ Ms Vu Thi Giang Huong               | Thành viên BKS/Board of Supervisors                                  | 22/04/2025                                                                              |                                                                                         |                   |                                                                 |
| 9           | Bà Nguyễn Thị Hà/Ms Nguyen Thi Ha                          | Thành viên BKS/Board of Supervisors                                  | 22/04/2025                                                                              |                                                                                         |                   |                                                                 |



|    |                                                                                 |                                 |              |  |  |                                                                     |
|----|---------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|--------------|--|--|---------------------------------------------------------------------|
| 10 | Bà Trần Thị Hương/Ms Tran Thi Huong                                             | Kế toán trưởng/Chief accountant |              |  |  |                                                                     |
| 11 | Tập đoàn Dệt may Việt Nam/Vietnam National Textile and Garment Group            |                                 | tháng 1/2005 |  |  | Cổ đông lớn/Major shareholder                                       |
| 12 | Công ty cổ phần Phú Hưng/Phu Hung Joint Stock Company                           |                                 | Từ năm 2009  |  |  | Công ty liên kết/Affiliate company                                  |
| 13 | Công Ty Cổ Phần Tiên Hưng/Tien Hung Joint Stock Company                         |                                 | Từ năm 2007  |  |  | Công ty liên kết/Affiliate company                                  |
| 14 | Công ty CP May Xuất Khẩu Ninh Bình/Ninh Binh Garment Export Joint Stock Company |                                 | Từ năm 2011  |  |  | từ tháng 3 năm 2026/no longer an associate company as of March 2026 |



PHỤ LỤC 2/APPENDIX 2



**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA TỔNG CÔNG TY MAY HUNG YÊN - CÔNG TY CỔ PHẦN/**  
**LIST OF RELATED PERSONS OF HUNG YEN GARMENT CORPORATION - JOINT STOCK COMPANY**

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2026/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2026)

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                                  | Mối quan hệ liên quan với công ty<br>Relationship with the Company  | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH<br>No. * date of issue, place of issue                         | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ<br>Address                                      | Thời điểm giao dịch với công ty<br>Time of transactions with the Company | Nội dung giao dịch/Transaction details               | Tổng giá trị giao dịch/Total transaction value |
|-----|----------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------|
| 1   | Tập đoàn Dệt may Việt Nam/Vietnam National Textile and Garment Group | Cổ đông có ảnh hưởng đáng kể/Shareholder with significant influence | Giấy chứng nhận ĐKDN số: '0100100008 ngày thay đổi gần nhất: 06/10/2021<br>Sở KHĐT tp Hà Nội       | Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/No. 41A Ly Thai To, Hoan Kiem Ward, Hanoi | Trong 6 tháng đầu năm 2026/In the first six months of 2026               | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 109,550,000                                    |
|     |                                                                      |                                                                     |                                                                                                    |                                                                                       |                                                                          | Cổ tức/Dividend                                      | 17,076,405,000                                 |
| 2   | Công ty cổ phần may Phú Hưng                                         | Công ty liên kết/Associate company                                  | Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0900270351 cấp ngày 29/09/2025 (thay đổi lần thứ 6) Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên | Thôn Đình Cao, Xã Tiên Tiến - Hưng Yên/Dinh Cao Village, Tien Tien Commune - Hung Yen | Trong 6 tháng đầu năm 2026/In the first six months of 2026               | Bán hàng hóa, dịch vụ/Sale of goods and services     | 116,348,400                                    |
| 3   | Công Ty Cổ Phần Tiên Hưng/Tien Hung Joint Stock Company              | Công ty liên kết/Associate company                                  | Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0900270351 cấp ngày 29/09/2025 (thay đổi lần thứ 6) Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên | Xã Hoàng Hoa Thám - tỉnh Hưng Yên/Hoang Hoa Tham Commune - Hung Yen Province          | Trong 6 tháng đầu năm 2026/In the first six months of 2026               | Bán hàng hóa, dịch vụ/Sale of goods and services     | 46,945,695                                     |
|     |                                                                      |                                                                     |                                                                                                    |                                                                                       |                                                                          | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 2,008,810,938                                  |

**PHỤ LỤC 3/APPENDIX 3**  
**GIAO DỊCH GIỮA CÔNG TY VỚI CÔNG TY MÀ THÀNH VIÊN HĐQT/TGĐ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**  
**CỦA THÀNH VIÊN HĐQT, TGĐ LÀM THÀNH VIÊN HĐQT/TGĐ**  
**TRANSACTIONS BETWEEN THE COMPANY AND THE COMPANY IN WHICH THE BOARD OF DIRECTORS/CEOS AND THEIR RELATED**  
**PERSONS ARE BOARD OF DIRECTORS/CEOS**

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2026/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2026)

| STT | Tên tổ chức/cá nhân                                                  | Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>                                                                                                                                                       | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No. * date of issue, place of issue</i>                     | Địa chỉ trụ sở chính/<br>Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>                               | Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i> | Nội dung giao dịch/transaction content               | Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)/Total transaction value (VND) |
|-----|----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | Tập đoàn Dệt may Việt Nam/Vietnam National Textile and Garment Group | Tổ chức có liên quan đến Ông Lê Tiến Trường - Chủ tịch HĐQT/Organizations related to Ms. Le Tien Truong - Chairman of Bod                                                                                                    | Giấy chứng nhận ĐKDN số: '0100100008 ngày thay đổi gần nhất: 06/10/2021<br>Sở KHĐT tp Hà Nội       | Số 41A Lý Thái Tổ, Phường Hoàn Kiếm, Hà Nội/No. 41A Ly Thai To, Hoan Kiem Ward, Hanoi | Trong 6 tháng đầu năm 2026/In the first six months of 2026                   | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 109,550,000                                                |
| 2   | Công ty cổ phần may Phú Hưng                                         | Tổ chức có liên quan đến Bà Phạm Thị Phương Hoa - TV HĐQT và Ông Nguyễn Văn Trung- TV HĐQT, TGĐ/Organizations related to Ms. Pham Thi Phuong Hoa - Member of Board and Mr Nguyen Van Trung -Member of Board/General Director | Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0900270351 cấp ngày 29/09/2025 (thay đổi lần thứ 6) Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên | Thôn Đình Cao, Xã Tiên Tiến - Hưng Yên/Dinh Cao Village, Tien Tien Commune - Hung Yen | Trong 6 tháng đầu năm 2026/In the first six months of 2026                   | Bán hàng hóa, dịch vụ/Sale of goods and services     | 116,348,400                                                |

|   |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                |                                                                                                                     |                                                                              |                                                                  |               |
|---|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|---------------|
| 3 | Công Ty Cổ Phần<br>Tiên Hưng/Tien<br>Hung Joint Stock<br>Company                                    | Tổ chức liên quan của Bà<br>Phạm thị Phương Hoa -<br>thành viên HĐQT và Ông<br>Phạm Tuấn Anh - Thành<br>viên HĐQT/Affiliated<br>organization of Ms. Pham<br>Thi Phuong Hoa – Member<br>of the Board of Directors,<br>and Mr. Pham Tuan Anh –<br>Member of the Board of<br>Directors | Giấy chứng nhận ĐKKD<br>số: 0900270351 cấp ngày<br>29/09/2025 (thay đổi lần<br>thứ 6) Sở KHĐT tỉnh<br>Hưng Yên | Xã Hoàng Hoa Thám -<br>tỉnh Hưng<br>Yên/Hoang Hoa Tham<br>Commune - Hung Yen<br>Province                            | Trong 6<br>tháng đầu<br>năm<br>2026/In the<br>first six<br>months of<br>2026 | Bán hàng hóa,<br>dịch vụ/Sale of<br>goods and<br>services        | 46,945,695    |
|   |                                                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                                                                                |                                                                                                                     |                                                                              | Mua hàng hóa,<br>dịch<br>vụ/Purchase of<br>goods and<br>services | 2,008,810,938 |
| 4 | Công ty cổ phần<br>may Việt Ý -<br>Hưng Yên/Viet Y<br>Garment Joint<br>Stock Company -<br>Hung Yen/ | Tổ chức có liên quan đến<br>Bà Nguyễn Thị Hiền - TV<br>HĐQT/Organizations<br>related to Ms. Nguyen Thi<br>Hien - Member of Board of<br>Directors                                                                                                                                    | Giấy chứng nhận ĐKKD<br>số: 0900924519 cấp ngày<br>14/11/2024 (thay đổi lần<br>thứ 6) Sở KHĐT tỉnh<br>Hưng Yên | Thôn Thọ Bình, Xã<br>Triệu Việt Vương -<br>Hưng Yên/Tho Binh<br>Village, Trieu Viet<br>Vuong Commune -<br>Hung Yen/ | Trong 6<br>tháng đầu<br>năm<br>2026/In the<br>first six<br>months of<br>2026 | Bán hàng hóa,<br>dịch vụ/Sale of<br>goods and<br>services        | 396,048,420   |

PHỤ LỤC 4/APPENDIX 4



Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành  
*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO)*

(Đính kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2026/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2026)

| Stt | Tên tổ chức/cá nhân                                                   | Mối quan hệ liên quan với công ty <i>Relationship with the Company</i>                                                                                                             | Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp <i>NSH No.* date of issue, place of issue</i>                       | Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>                                                | Thời điểm giao dịch với công ty <i>Time of transactions with the Company</i> | Nội dung giao dịch/transaction content               | Tổng giá trị giao dịch (VNĐ)/Total transaction value (VND) |
|-----|-----------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1   | Công ty cổ phần may Việt Giang/Viet Giang Garment Joint Stock Company | Tổ chức có liên quan đến Bà Phạm Thị Phương Hoa - Thành viên HĐQT-Tổng giám đốc/Organizations related to Ms. Pham Thi Phuong Hoa - Member of Board of Directors - General Director | Giấy chứng nhận ĐKKD số: 0900214484 cấp ngày 18/10/2023 (thay đổi lần thứ 11) Sở KHĐT tỉnh Hưng Yên | Thôn Đông Kết, xã Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên/Dong Ket Village, Khoai Chau Commune, Hung Yen Province | Trong 6 tháng đầu năm 2026/In the first six months of 2026                   | Mua hàng hóa, dịch vụ/Purchase of goods and services | 84,767,157,120                                             |
|     |                                                                       |                                                                                                                                                                                    |                                                                                                     |                                                                                                     |                                                                              | Bán hàng hóa, dịch vụ/Sale of goods and services     | -                                                          |

**PHỤ LỤC 5/APPENDIX 5**  
**DANH SÁCH NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ/LIST OF INSIDERS AND RELATED PERSONS/ORGANIZATIONS OF INSIDERS/**



(Định kèm Báo cáo tình hình quản trị công ty 6th đầu năm 2026/Attached is the Corporate Governance Report for the first 6 months of 2026)

| Stt No. | Họ tên Name                                                                        | Chức vụ tại công ty (nếu có) Position at the company (if any)    | Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period | Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ/Percentage of share ownership at the end of the period | Ghi chú/ Note                 |
|---------|------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| 1       | Lê Tiến Trường/<br>Le Tien Truong                                                  | Chủ tịch HĐQT/<br>Chairman of Bod                                |                                                                            |                                                                                      |                               |
| 1.1     | Lê Văn Tiến/<br>Le Van Tien                                                        |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Bố/ Father                    |
| 1.2     | Phạm Kim Ân/<br>Pham Kim En                                                        |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Mẹ/ Mother                    |
| 1.3     | Lê Tiến Thịnh/<br>Le Tien Thinh                                                    |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Em trai/ Brother              |
| 1.4     | Phạm Thị Cẩm Liên/<br>Pham Thi Cam Lien                                            |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Em dâu/ Sister-in-law         |
| 1.5     | Tập đoàn Dệt may Việt Nam/Vietnam National Textile and Garment Group               |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod |
| 1.6     | Tổng công ty may Việt Thắng - CTCP/Viet Thang Garment Corporation - JSC            |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod |
| 1.7     | Tổng công ty may 10 - Công ty cổ phần/Garment 10 Corporation – Joint Stock Company |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Chủ tịch HĐQT/Chairman of Bod |
| 2       | Phạm Thị Phương Hoa/<br>Pham Thi Phuong Hoa                                        | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director | 188,592                                                                    | 0.97%                                                                                |                               |
| 2.1     | Phạm Văn Hà/<br>Pham Van Ha                                                        |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Bố/ Father                    |
| 2.2     | Phạm Hữu Lợi/<br>Pham Huu Loi                                                      |                                                                  | 57,024                                                                     | 0.29%                                                                                | Chồng/Husband                 |
| 2.3     | Phạm Thị Phương Mai/<br>Pham Thi Phuong Mai                                        |                                                                  | 79,642                                                                     | 0.41%                                                                                | Con gái/Daughter              |
| 2.4     | Nguyễn Đức Nam/<br>Nguyen Duc Nam                                                  |                                                                  |                                                                            |                                                                                      | Con rể/Son-in-law             |
| 2.5     | Phạm Thị Mai Phương/<br>Pham Thi Mai Phuong                                        |                                                                  | 85,155                                                                     | 0.44%                                                                                | Con gái/Daughter              |

|      |                                                            |                                      |                  |           |                                                     |
|------|------------------------------------------------------------|--------------------------------------|------------------|-----------|-----------------------------------------------------|
| 2.6  | Phạm Trung Kiên/<br>Pham Trung Kien                        |                                      |                  |           | Con rể/Son-in-law                                   |
| 2.7  | Phạm Tiến Dũng/<br>Pham Tien Dung                          |                                      |                  |           | Anh trai/Brother                                    |
| 2.8  | Đoàn Thị Nụ/<br>Doan Thi Nu                                |                                      |                  |           | Chị dâu/Sister-in-law                               |
| 2.9  | Phạm Thị Vân/<br>Pham Thi Van                              |                                      |                  |           | Chị gái/Sister                                      |
| 2.10 | Nguyễn Xuân Hiệp/<br>Nguyen Xuan Hiep                      |                                      |                  |           | Anh rể/Brother-in-law                               |
| 2.11 | Phạm Thị Thanh Hương/<br>Pham Thi Thanh Huong              |                                      |                  |           | Chị gái/Sister                                      |
| 2.12 | Nguyễn Việt Bảo/<br>Nguyen Viet Bao                        |                                      |                  |           | Anh rể/Brother-in-law                               |
| 2.13 | Phạm Thị Thanh Tuyết<br>/Pham Thi Thanh Tuyen              |                                      | 138,240          | 0.71%     | Em gái/Sister                                       |
| 2.14 | Phạm Thọ Quyết/<br>Pham Tho Quyet                          |                                      |                  |           | Em rể/Brother-in-law                                |
| 2.15 | Phạm Anh Đông/<br>Pham Anh Dong                            |                                      | 62,953           | 0.32%     | Em trai/ Brother                                    |
| 2.16 | Lại Thị Thu Trà/<br>Lai Thi Thu Tra                        |                                      |                  |           | Em dâu/ Sister-in-law                               |
| 2.17 | Công ty cổ phần Phú Hưng/Phu Hung Joint Stock<br>Company   |                                      |                  |           | Chủ tịch HĐQT/Chairman<br>of Bod                    |
| 2.18 | Công Ty Cổ Phần Tiên Hưng/Tien Hung Joint Stock<br>Company |                                      |                  |           | Thành viên HĐQT/Member<br>of the Board of Directors |
| 2.19 | Công ty cổ phần Bảo Hưng/Bao Hung Joint Stock<br>Company   |                                      |                  |           | Thành viên HĐQT/Member<br>of the Board of Directors |
| 3    | <b>Phạm Tuấn Anh/Pham Tuan Anh</b>                         | <b>Thành viên HĐQT/Member of Bod</b> | <b>1,560,521</b> | <b>8%</b> |                                                     |
| 3.1  | Nguyễn Thị Huệ/<br>Nguyen thi Hue                          |                                      |                  |           | Mẹ đẻ/Mother                                        |
| 3.2  | Vũ Đình Trọng/<br>Vu Dinh Trong                            |                                      |                  |           | Bố vợ/Father-in-law                                 |
| 3.3  | Nguyễn Thị Ngoan/<br>Nguyen Thi Ngoan                      |                                      |                  |           | Mẹ vợ/Mother-in-law                                 |
| 3.4  | Vũ Thị Thanh Tươi/<br>Vu Thi Thanh Tui                     |                                      | 148,226          | 0.76%     | Vợ/Wife                                             |

101  
G  
H  
IG  
HIE

|          |                                                         |                                      |                |              |                                                                  |
|----------|---------------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|--------------|------------------------------------------------------------------|
| 3.5      | Phạm Quang Anh/<br>Pham Quang Anh                       |                                      | 83,672         | 0,43%        | Con trai/Son                                                     |
| 3.6      | Lương Thị Phương Anh/<br>Luong Thi Phuong Anh           |                                      |                |              | Con dâu/Daughter-in-law                                          |
| 3.7      | Phạm Đức Anh/<br>Pham Duc Anh                           |                                      | 39,187         | 0,20%        | Con trai/Son                                                     |
| 3.8      | Phạm Văn Sỹ/<br>Pham Van Sy                             |                                      |                |              | Em trai/Brother                                                  |
| 3.9      | Phạm Thị Hằng/<br>Pham Thi Hang                         |                                      |                |              | Em Gái/Sister                                                    |
| 3.10     | Vũ Thị Nga/<br>Vu Thi Nga                               |                                      |                |              | Em dâu/Sitter-in-law                                             |
| 3.11     | Phạm Văn Năng<br>/Pham Van Nang                         |                                      |                |              | Em rể/Brother-in-law                                             |
| 3.12     | Công Ty Cổ Phần Tiên Hưng/Tien Hung Joint Stock Company |                                      |                |              | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director |
| 3.13     | Công ty cổ phần Bảo Hưng/Bao Hung Joint Stock Company   |                                      |                |              | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director |
| <b>4</b> | <b>Nguyễn Văn Trung/ Nguyen Van Trung</b>               | <b>Thành viên HĐQT/Member of Bod</b> | <b>224,893</b> | <b>1.15%</b> |                                                                  |
| 4.1      | Nguyễn Quang Duy/<br>Nguyen Quang Duy                   |                                      | 144,000        | 0.74%        | Con trai/Son                                                     |
| 4.2      | Nguyễn Huy Hoàng/<br>Nguyen Huy Hoang                   |                                      | 144,000        | 0.74%        | Con trai/Son                                                     |
| 4.3      | Đỗ Thị Ngọc Trâm/<br>Do Thi Ngoc Tram                   |                                      |                |              | Con dâu/Daughter-in-law                                          |
| 4.4      | Nguyễn Thanh Thủy/<br>Nguyen Thanh Thuy                 |                                      |                |              | Vợ/Wife                                                          |
| 4.5      | Nguyễn Thanh Chiến/<br>Nguyen Thanh Chien               |                                      |                |              | Em trai/Brother                                                  |
| 4.6      | Dương Thị Kim Bình/<br>Duong Thi Kim Binh               |                                      |                |              | Em dâu/ Sister-in-law                                            |
| 4.7      | Công ty cổ phần Phú Hưng/Phu Hung Joint Stock Company   |                                      |                |              | Thành viên HĐQT - Tổng Giám đốc/Member of Bod - General Director |
| <b>5</b> | <b>Nguyễn Thị Hiền/<br/>Nguyen Thi Hien</b>             | <b>Thành viên HĐQT/Member of Bod</b> | <b>227.049</b> | <b>1,16%</b> |                                                                  |
| 5.1      | Nguyễn Xuân Dương/<br>Nguyen Xuan Duong                 |                                      | 615.466        | 3,15%        | Bố/Father                                                        |

|      |                                                                                        |                                                    |               |              |                                                                        |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------------|--------------|------------------------------------------------------------------------|
| 5.2  | Nguyễn Thị Him/<br>Nguyen Thi Him                                                      |                                                    | 110.169       | 0,56%        | Mẹ/Mother                                                              |
| 5.3  | Nguyễn Xuân Ninh/<br>Nguyen Xuan Ninh                                                  |                                                    |               |              | Anh trai/Brother                                                       |
| 5.4  | Nguyễn Thị Ái Dung/<br>Nguyen Thi Ai Dung                                              |                                                    |               |              | Chị dâu/Sister - in- lã                                                |
| 5.5  | Nguyễn Xuân Vĩ/<br>Nguyen Xuan Vi                                                      |                                                    |               |              | Anh trai/Brother                                                       |
| 5.6  | Trần Thị Chuyên/<br>Tran Thi Chuyen                                                    |                                                    | 58.809        | 0,30%        | Chị dâu/Sister - in- lã                                                |
| 5.7  | Nguyễn Thị Hiền/<br>Nguyen Thi Hien                                                    |                                                    |               |              | Em gái/ Sister                                                         |
| 5.8  | Phạm Châu Anh/<br>Pham Chau Anh                                                        |                                                    |               |              | Con gái/ Daughter                                                      |
| 5.9  | Phạm Hà Anh/<br>Pham Ha Anh                                                            |                                                    |               |              | Con gái/ Daughter                                                      |
| 5.10 | Công ty cổ phần may Việt Ý - Hưng Yên/Viet Y<br>Garment Joint Stock Company - Hung Yen |                                                    |               |              | Thành viên HĐQT - Tổng<br>Giám đốc/Member of Bod -<br>General Director |
| 6    | <b>Trương Thị Phương/ <i>Truong Thi Phuong</i></b>                                     | <b>Trưởng BKS/Head of Board of<br/>Supervisors</b> | <b>28.867</b> | <b>0.15%</b> |                                                                        |
| 6.1  | Nguyễn Thị Phóng/<br>Nguyen Thi Phong                                                  |                                                    |               |              | Mẹ đẻ/Mother                                                           |
| 6.2  | Dương Quang Hồng/<br>Duong Quan Hong                                                   |                                                    |               |              | Chồng/Husband                                                          |
| 6.3  | Dương Hoàng Sinh/<br>Duong Hoang Sinh                                                  |                                                    |               |              | Con trai/Son                                                           |
| 6.4  | Dương Khánh Linh/<br>Duong Khanh Linh                                                  |                                                    |               |              | Con gái/Daungter                                                       |
| 6.5  | Trần Đình Huy/<br>Tran Dinh Huy                                                        |                                                    |               |              | Con rể/Son-in-Law                                                      |
| 6.6  | Trương Thị Phương/<br>Truong Thi Phuong                                                |                                                    |               |              | Em gái/Sister                                                          |
| 6.7  | Trương Thị Phần/<br>Truong Thi Phan                                                    |                                                    |               |              | Em gái/Sister                                                          |
| 6.8  | Trương Đình Phẩm/<br>Truong Dinh Pham                                                  |                                                    |               |              | Em trai/Brother                                                        |
| 6.9  | Đỗ Thị Đông/<br>Do Thi Dong                                                            |                                                    |               |              | Mẹ chồng/Mother-in-law                                                 |

|     |                                                  |                                          |        |       |                        |
|-----|--------------------------------------------------|------------------------------------------|--------|-------|------------------------|
| 7   | Vũ Thị Giáng Hương/<br><i>Vu Thi Giang Huong</i> | Thành viên BKS/Board of Supervisors      | 27.36  | 0,14% |                        |
| 7.1 | Chu Hữu Nghị/<br>Chu Huu Nghi                    | Phó Tổng giám đốc/Deputy General Manager |        |       | Chồng/Husband          |
| 7.2 | Chu Giang Linh/<br>Chu Giang Linh                |                                          |        |       | Con gái/ Daughter      |
| 7.3 | Chu Hà Vy/<br>Chu Ha Vy                          |                                          |        |       | Con gái/ Daughter      |
| 7.4 | Phạm Thị Thành/<br>Pham Thi Thanh                |                                          |        |       | Mẹ/Mother              |
| 7.5 | Vũ Xuân Khuong/<br>Vu Xuan Khuong                |                                          |        |       | Anh trai/Brother       |
| 7.6 | Chu Xuân Hồng/<br>Chu Xuan Hong                  |                                          |        |       | Bố chồng/Father-in-law |
| 7.7 | Trần Thị Nụ/<br>Tran Thi Nu                      |                                          |        |       | Mẹ chồng/Mother-in-law |
| 7.8 | Trần Văn Bình/<br>Tran Van Binh                  |                                          |        |       | Con rể/Son-in-law      |
| 8   | Bà Nguyễn Thị Hà/ <i>Ms Nguyen Thi Ha</i>        | Thành viên BKS/Board of Supervisors      | 40.641 | 0,20% |                        |
| 8.1 | Nguyễn đình Thi/<br>Nguyen Dinh Thi              |                                          |        |       | Bố/Father              |
| 8.2 | Trần thị Nga/<br>Tran Thi Nga                    |                                          |        |       | Mẹ chồng/Mother-in-law |
| 8.3 | Nguyễn thị Thu Hương/<br>Nguyen Thi Thu Huong    |                                          |        |       | Con gái/Daughter       |
| 8.4 | Hoàng thế Việt/<br>Hoang The Viet                |                                          |        |       | Con rể/Son-in-law      |
| 8.5 | Nguyễn mạnh Tiến/<br>Nguyen Manh Tien            |                                          |        |       | Con trai/Son           |
| 8.6 | Nguyễn đình Mạnh/<br>Nguyen Dinh Manh            |                                          |        |       | Anh trai/Brother       |
| 8.7 | Trần thị Thu/<br>Tran Thi Thu                    |                                          |        |       | Chị dâu/Sister-in-law  |
| 8.8 | Nguyễn văn Sỹ/<br>Nguyen Van Sy                  |                                          |        |       | Em trai/Brother        |
| 8.9 | Nguyễn thị Lan/<br>Nguyen Thi Lan                |                                          |        |       | Em dâu/Sitter-in-law   |
| 9   | Chu Hữu Nghị/Chu Huu Nghi                        | Phó TGD                                  | 47,444 | 0.24% |                        |

T  
Y  
H  
L  
U  
N

|      |                                           |                                        |              |              |                        |
|------|-------------------------------------------|----------------------------------------|--------------|--------------|------------------------|
| 9.1  | Chu Xuân Hồng/<br>Chu Xuan Hong           |                                        |              |              | Bố chồng/Father-in-law |
| 9.2  | Trần Thị Nụ/<br>Tran Thi Nu               |                                        |              |              | Mẹ chồng/Mother-in-law |
| 9.3  | Vũ Thị Giáng Hương/<br>Vu Thi Giang Huong | Thành viên BKS/Board of Supervisors    | 27.36        | 0,14%        | Vợ/Wife                |
| 9.4  | Chu Giang Linh/<br>Chu Giang Linh         |                                        |              |              | Con gái/ Daughter      |
| 9.5  | Chu Hà Vy/<br>Chu Ha Vy                   |                                        |              |              | Con gái/ Daughter      |
| 9.6  | Chu Quốc Hưng/<br>Chu Quoc Hung           |                                        |              |              | Anh trai/Brother       |
| 9.7  | Chu Thị Phương/<br>Chu Quoc Phuong        |                                        |              |              | Chị gái/Sister         |
| 9.8  | Chu Tường Anh/<br>Chu Tuong Anh           |                                        |              |              | Anh trai/Brother       |
| 9.9  | Chu Thị Hồng Diệp/<br>Chu Thi Hong Diep   |                                        |              |              | Em gái/Sister          |
| 9.10 | Phạm Thị Thành/<br>Pham Thi Thanh         |                                        |              |              | Mẹ vợ /Mother-in-law   |
| 9.11 | Vũ Xuân Khương/<br>Vu Xuan Khuong         |                                        |              |              | Anh vợ/Brother-in-law  |
| 9.12 | Trần Văn Bình/<br>Tran Van Binh           |                                        |              |              | Con rể/Son-in-law      |
| 10   | <b>Trần Thị Hương/Tran Thi Huong</b>      | <b>Kế toán trưởng/Chief accountant</b> | <b>9,872</b> | <b>0.05%</b> |                        |
| 10.1 | Trần Hữu Miên/<br>Tran Huu Mien           |                                        |              |              | Bố/Father              |
| 10.2 | Vũ Tuấn Huy/<br>Vu Tuan Huy               |                                        |              |              | Con trai/Son           |
| 10.3 | Vũ Tuấn Minh/<br>Vu Tuan Minh             |                                        |              |              | Con trai/Son           |
| 10.4 | Trần Thị Huệ/<br>Tran Thi Hue             |                                        |              |              | Chị gái/Sister         |
| 10.5 | Trần Thanh Hà/<br>Tran Thanh Ha           |                                        |              |              | Em gái/Sister          |
| 10.6 | Trần Thanh Hiền/<br>Tran Thanh Hien       |                                        |              |              | Em gái/Sister          |
| 10.7 | Trần Thanh Hải/<br>Tran Thanh Hai         |                                        |              |              | Em gái/Sister          |

C.T.C.T  
V  
R

|       |                                           |  |  |  |                       |
|-------|-------------------------------------------|--|--|--|-----------------------|
| 10.8  | Trần Thị Thanh Hoa/<br>Tran Thi Thanh Hoa |  |  |  | Em gái/Sister         |
| 10.9  | Quách Anh Hiền/<br>Quach Anh Hien         |  |  |  | Anh rể/Brother-in-law |
| 10.1  | Nguyễn Bá Quân/<br>Nguyen Ba Quan         |  |  |  | Em rể/Brother-in-law  |
| 10.11 | Trần Đức Ngọc/<br>Tran Duc Ngoc           |  |  |  | Em rể/Brother-in-law  |
| 10.12 | Bạch Vinh Quang/<br>Bach Vinh Quang       |  |  |  | Em rể/Brother-in-law  |